TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 7 - 2022
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Tưởng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Thanh Diện và ông Hoàng Công Nghĩa

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022, về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị T, sinh năm: 1998

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Chị T có đơn xin xử vắng mặt

- Bị đơn: Anh Đinh Xuân N, sinh năm: 1991

Nơi cư trú: thôn Diên T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 11 tháng 02 năm 2022, Bản tự khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đoàn Thị T trình bày:

Chị và anh Đinh Xuân N kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 15 tháng 8 năm 2016, tại UBND xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống nhưng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N thường xuyên rượu chè bỏ bê công việc, không chịu khó làm ăn để xây dựng kinh tế gia đình. Chị đã nhận nhịn và khuyên can anh N nhiều lần, nhưng anh N vẫn không thay đổi mà còn chửi bới, đánh đập chị. Do không chịu đựng được nên chị đã bỏ về nhà ngoại ở từ năm 2018 và vợ chồng sống đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay xác định tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh N có 01 con chung Đinh Gia B, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2016, hiện tại con đang ở với anh N. Nếu vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng giao con cho anh N nuôi dưỡng để thuận tiện cho việc học tập và sinh hoạt của con, chị sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ vợ chồng

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tống tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập cho anh Đinh Xuân N nhưng anh N không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Kết quả xác minh tại UBND xã Q cho thấy: anh N đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng trên của Tòa án. Ngày 14/6/2022, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các bên đương sự có mặt tại Tòa án vào ngày 24/6/2022, nhưng anh N vắng mặt không có lý do nên Tòa án phải hoãn phiên tòa, ngày 21/7/2022, Tòa án mở lại phiên tòa lần 02, tiếp tục triệu tập các bên đương sự có mặt tại Tòa án để tham gia phiên tòa, nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại UBND xã Q, anh N đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Đoàn Thị T có đơn yêu cầu xin ly hôn đối với anh Đinh Xuân N, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn là anh Đinh Xuân N hiện đang cư trú tại thôn D, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt chị Đoàn Thị T và anh Đinh Xuân N nhưng chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt chị Đoàn Thị T. Anh Đinh Xuân N đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt anh Đinh Xuân N.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh N có đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người được xác định là hoàn toàn hợp pháp.

Sau khi kết hôn, theo chị T trình bày cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N thường xuyên rượu chè, bỏ bê công việc, không chịu khó làm ăn để xây dựng kinh tế gia đình. Chị đã nhận nhịn và khuyên can anh N nhiều lần, nhưng anh N vẫn không thay đổi mà còn chửi bới, đánh đập chị. Do không chịu đựng được nên chị đã bỏ về nhà ngoại ở từ năm 2018 và vợ chồng sống đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Xét thấy, chị T và anh N sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đoàn Thị Thơm, xử cho chị Đoàn Thị T được ly hôn với anh Đinh Xuân N là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị T và anh N có 01 con chung là Đinh Gia B, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2016. Nếu vợ chồng ly hôn, chị T có nguyện vọng giao con cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để thuận tiện cho việc học tập và sinh hoạt của con, chị sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Xét thấy quá trình giải quyết vụ án, anh N không có mặt tại Tòa án để trình bày nguyện vọng về việc nuôi con nhưng theo lời khai của chị T thì hiện tại cháu Đinh Gia B đang sinh sống ổn định cùng với anh N. Còn chị T hiện nay đi làm ăn xa nên việc chăm sóc con rất khó khăn. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung cho anh N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với việc cấp dưỡng tiền nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án anh N không có mặt nên không có yêu cầu về việc cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng theo trình bày của chị T nếu giao con cho anh N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng thì chị có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 107, Điều 110 và Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận

[4] Về tài sản chung: không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đoàn Thị T phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung vào công quỹ nhà nước

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về "mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Tuyên xử:

1. Xét xử vụ án vắng mặt chị Đoàn Thị T và anh Đinh Xuân N

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Đoàn Thị T. Xử cho chị Đoàn Thị T được ly hôn với anh Đinh Xuân N

3. Về quan hệ con chung: Giao con chung Đinh Gia B, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2016 cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 8/2022 cho đến khi con trưởng thành có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi sống bản thân.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Đoàn Thị T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung vào công quỹ nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003346 ngày 25 tháng 3 năm 2022. Chị T còn phải nộp thêm 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí để sung vào công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

"Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số

tiền chưa thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự để trả cho người được thi hành án

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại khoản 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thắng **Đoàn Thị Thái** **Phan Anh Đức**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hòa **Hoàng Công Nghĩa** **Phan Anh Đức**